

CÔNG TY CỔ PHẦN DHH QUỐC TẾ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DHH QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301192524

3. Ngày thành lập: 17/11/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 15, Đường Phan Đăng Lưu, Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0912.536.818

Fax:

Email: DHHquocte@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
7.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
16.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
18.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
19.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
20.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
21.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
22.	Lập trình máy vi tính	6201

23.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
24.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
25.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
26.	Cổng thông tin	6312
27.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
28.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
29.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
30.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
31.	Quảng cáo	7310
32.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
33.	Bán buôn tổng hợp	4690
34.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
35.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
36.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
37.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
38.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
39.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
40.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
41.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
42.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
43.	In ấn	1811
44.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
45.	Sao chép bản ghi các loại	1820
46.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
47.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
48.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
49.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
50.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
51.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
52.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
53.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
54.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
55.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
56.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790

57.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
58.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
59.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
60.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
61.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
62.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
63.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
64.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
65.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
66.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
67.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
68.	Xuất bản sách	5811
69.	Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ	5812
70.	Hoạt động xuất bản khác	5819
71.	Xuất bản phần mềm	5820
72.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
73.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
74.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
75.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
76.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
77.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
78.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
79.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
80.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
81.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
82.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
83.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
84.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
85.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
86.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
87.	Xây dựng nhà để ở	4101
88.	Xây dựng nhà không để ở	4102
89.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
90.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
91.	Xây dựng công trình điện	4221
92.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
93.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

94.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
95.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
96.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
97.	Phá dỡ	4311
98.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
99.	Lắp đặt hệ thống điện	4321(Chính)
100.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
101.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
102.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
103.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
104.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THỊ OANH	Số 15, Đường Phan Đăng Lưu, Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	125647416	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		
2	LÊ HỒNG HẠNH	Số 15, Đường Phan Đăng Lưu, Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	0241830019 19	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		

3	PHẠM THÙY LINH	A1 F5 Tổ 46, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	50,000	040195000405
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	50,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THÙY LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/04/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040195000405

Ngày cấp: 10/04/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội

Địa chỉ thường trú: A1 F5 Tổ 46, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: A1 F5 Tổ 46, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh